

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2026

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Anh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Duật

2. Ông Hồ Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 25/11/2025, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 2004; số định danh cá nhân/CCCD: 046304002041; địa chỉ: Số A K, xã K, thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1998; số định danh cá nhân/CCCD: 0460980045598; địa chỉ: Xóm A, tổ D, phường K, thành phố H. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/11/2025 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Phạm Đình T tự nguyện thương yêu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường K, thành phố H). Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn, sinh sống ở thị trấn K, huyện N (nay là xã K, thành phố H) được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Anh T thường xuyên bỏ nhà đi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2025, mặc ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị L xác định mâu thuẫn vợ

chồng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đình T.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phạm Hoàng Tuấn A, sinh ngày 10/11/2024. Chị L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu Phạm Hoàng Tuấn A; bản sao căn cước công dân của chị Lê Thị Mỹ L, anh Phạm Đình T.

Tại bản tự khai ngày 28/01/2026 bị đơn anh Phạm Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân cơ bản như chị L trình bày. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống tại xã K, thành phố H. Do việc kinh doanh thua lỗ nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, gia đình hai bên đã hoà giải nhưng không khắc phục được. Từ tháng 6/2025, vợ chồng sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì anh theo đạo Công giáo nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Tuấn A, sinh ngày 10/11/2024, hiện đang ở với chị L. Trường hợp Toà án giải quyết cho ly hôn thì T anh đồng ý giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Toà án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, nhận định:

[1.] Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Phạm Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2.] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L và anh Phạm Đình T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09/8/2024 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường K, thành phố H), do đó quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 6/2025 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Tại phiên toà chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục. Lý do anh T không đồng ý ly hôn là do anh theo đạo Công giáo, vắng mặt tại các phiên hoà giải, xin vắng mặt tại phiên toà xét xử vụ án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng chị L, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Chị L, anh T trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Phạm Hoàng Tuấn A, sinh ngày 10/11/2024, hiện đang ở với chị L. Anh T đồng ý giao cháu Tuấn A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nuôi con chung, giao cháu Tuấn A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ L được ly hôn anh Phạm Đình T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Tuấn A, sinh ngày 10/11/2024 cho chị Lê Thị Mỹ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Phạm Đình T không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001105 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Dương sự;
- UBND phường Kim Trà, TP Huế
(ĐKKH số 63 ngày 09/8/2024);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đoàn Anh Nga

